

Số: 15/2025/CBTT-SBD

TP HCM, ngày 16 tháng 07 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Công Nghệ Sao Bắc Đầu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 1/năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu**

- Mã chứng khoán: **SBD**
- Địa chỉ: Lô U14b-16a, đường số 22, KCX Tân Thuận, P Tân Thuận Đông, Q7, HCM
- Điện thoại liên hệ: 028 37700968 Fax: 028 37700968
- E-mail: info@saobacdau.vn Website: <https://saobacdau.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- **BCTC Quý 1/năm 2025**

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm...):

☐ Có

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

Không ☐



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 16/07/2025 tại đường dẫn: <https://saobacdau.vn/>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng Quý 1/2025

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)





CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Trụ sở chính

Lô U.14b - 16a, Đường số 22, KCX Tân Thuận,
P. Tân Thuận Đông, Q.7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (+84)(28) 3770 0968 - Fax: (+84)(28) 3770 0969

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, CT1AB, khu đô thị VOV Mỹ Trí,
P. Mỹ Trí, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
Tel: (+84)(24) 3772 2989 - Fax: (+84)(24) 3772 3000

Chi nhánh Đà Nẵng

Phòng E, Tầng 11, Số 02 Quang Trung,
P. Hải Châu, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: (+84)(236) 381 2175 - Fax: (+84)(236) 381 2175
www.saobacdau.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 1 NĂM 2025

TP HCM, tháng 6 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẠC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | TM | Tại ngày 30/06/2025 | Tại ngày 01/04/2025 |
|--|------------|------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 339,109,946,669 | 376,755,255,115 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 12,826,381,142 | 10,959,897,571 |
| 1. Tiền | 111 | 4.1 | 10,826,381,142 | 8,959,897,571 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 2,000,000,000 | 2,000,000,000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 685,100,000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | | 685,100,000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 159,116,953,284 | 208,256,225,071 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 4.3 | 57,291,826,268 | 154,071,220,858 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 42,019,651,369 | 5,463,713,118 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 4.5 | 73,605,641,970 | 62,521,457,418 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (13,800,166,323) | (13,800,166,323) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 4.7 | 165,657,479,228 | 156,527,900,331 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 165,664,917,026 | 156,535,338,129 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (7,437,798) | (7,437,798) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1,509,133,015 | 326,132,142 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 271,399,719 | 326,132,142 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 1,232,464,460 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 5,268,836 | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 146,296,643,667 | 155,164,140,142 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 30,420,835,388 | 30,597,812,542 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | 4.4 | 20,847,173,050 | 20,847,173,050 |
| 2. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | 5,000,000,000 | 5,000,000,000 |
| 3. Phải thu dài hạn khác | 216 | 4.5 | 10,073,662,338 | 10,250,639,492 |
| 4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | (5,500,000,000) | (5,500,000,000) |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 84,194,128,584 | 90,909,342,831 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.8 | 41,251,299,074 | 43,519,924,957 |
| Nguyên giá | 222 | | 128,154,713,332 | 128,121,995,150 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (86,903,414,258) | (84,602,070,193) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 4.9 | 34,915,834,783 | 39,005,915,750 |
| Nguyên giá | 225 | | 50,445,669,206 | 50,445,669,206 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (15,529,834,423) | (11,439,753,456) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | 8,026,994,727 | 8,383,502,124 |
| Nguyên giá | 228 | | 12,953,851,675 | 12,953,851,675 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4,926,856,948) | (4,570,349,551) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1,679,284,300 | 1,679,284,300 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 1,679,284,300 | 1,679,284,300 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 4.2 | 23,479,692,070 | 25,354,692,070 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 41,998,000,000 | 41,998,000,000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 8,591,393,955 | 10,466,393,955 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 1,200,000,000 | 1,200,000,000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (28,309,701,885) | (28,309,701,885) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6,522,703,325 | 6,623,008,399 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 6,522,703,325 | 6,623,008,399 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 485,406,590,336 | 531,919,395,257 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | Tại ngày 30/06/2025 | Tại ngày 01/04/2025 |
|--|------------|--------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 335,247,948,768 | 366,395,855,849 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 305,632,197,255 | 336,747,040,718 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 4.10 | 30,228,573,615 | 30,552,815,224 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 4.11 | 64,665,578,280 | 22,808,606,244 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 4.12 | 717,410,396 | 4,766,455,749 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 4.13 | 4,794,765,525 | 6,653,380,994 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 3,701,867,562 | 2,423,642,616 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 3,838,578,658 | 4,891,383,754 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 4.14 | 11,696,923,283 | 13,184,965,789 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 4.15 | 184,339,409,079 | 249,816,699,491 |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 1,649,090,857 | 1,649,090,857 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 29,615,751,513 | 29,648,815,131 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 4.15 | 29,601,657,484 | 29,601,657,484 |
| 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | 14,094,029 | 47,157,647 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 150,158,641,568 | 165,523,539,408 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.16.1 | 150,158,641,568 | 165,523,539,408 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 4.16.2 | 139,164,800,000 | 139,164,800,000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 139,164,800,000 | 139,164,800,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (30,000,000) | (30,000,000) |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 11,023,841,568 | 26,388,739,408 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | 26,388,739,408 | 20,346,718,384 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (15,364,897,840) | 6,042,021,024 |
| | | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 485,406,590,336 | 531,919,395,257 |



Nguyễn Xuân Trường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2025

Ngô Tiến Mạnh
Kế toán trưởng

Phan Việt Thuê
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 1.2025 (Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025)

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Quý 1 | | Lũy kế từ đầu năm | |
|--|-------|-----|------------------|------------------|-------------------|------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | 5.1 | 70,333,927,751 | 53,339,568,068 | 70,333,927,751 | 53,339,568,068 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 70,333,927,751 | 53,339,568,068 | 70,333,927,751 | 53,339,568,068 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.2 | 56,565,820,229 | 40,317,715,752 | 56,565,820,229 | 40,317,715,752 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 13,768,107,522 | 13,021,852,316 | 13,768,107,522 | 13,021,852,316 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 929,937,837 | 976,445,727 | 929,937,837 | 976,445,727 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 5.3 | 4,601,261,747 | 7,306,153,277 | 4,601,261,747 | 7,306,153,277 |
| Trong đó, chi phí lãi vay | 23 | | 4,642,256,255 | 6,644,227,441 | 4,642,256,255 | 6,644,227,441 |
| 7. Chi phí bán hàng | 25 | 5.4 | 11,804,550,345 | 12,083,483,370 | 11,804,550,345 | 12,083,483,370 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 5.5 | 13,084,428,139 | 13,044,664,182 | 13,084,428,139 | 13,044,664,182 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (14,792,194,872) | (18,436,002,786) | (14,792,194,872) | (18,436,002,786) |
| 10. Thu nhập khác | 31 | 5.6 | 525,855,914 | 1,996,594,725 | 525,855,914 | 1,996,594,725 |
| 11. Chi phí khác | 32 | | 1,098,558,882 | 121,431,602 | 1,098,558,882 | 121,431,602 |
| 12. Lợi nhuận khác | 40 | | (572,702,968) | 1,875,163,123 | (572,702,968) | 1,875,163,123 |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (15,364,897,840) | (16,560,839,663) | (15,364,897,840) | (16,560,839,663) |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (15,364,897,840) | (16,560,839,663) | (15,364,897,840) | (16,560,839,663) |



Nguyễn Xuân Trường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2025

Ngô Tiên Mạnh
Kế toán trưởng

Phan Việt Thuận
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1.2025 (Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025)

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Lũy kế từ đầu năm | |
|--|-------|------|-------------------|------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 1 | | (15,364,897,840) | 2,246,074,947 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | - |
| 1 Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 2 | 5.7 | 6,747,932,429 | 8,484,237,952 |
| 2 Các khoản dự phòng | 3 | | | (3,615,858,081) |
| 3 Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 5 | | (357,234,869) | (7,082,156,987) |
| 4 Chi phí lãi vay | 6 | 5.3 | 4,642,256,255 | 5,698,325,444 |
| 5 Các khoản điều chỉnh khác | 7 | | (2,665,970,711) | 17,443,059,719 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 8 | | (6,997,914,736) | 23,173,682,994 |
| 1 Tăng, giảm các khoản phải thu | 9 | | 48,078,515,645 | 26,558,271,364 |
| 2 Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (9,129,578,897) | (8,114,170,505) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 37,038,510,057 | (67,119,172,312) |
| 4 Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | 155,037,497 | 99,662,052 |
| 5 Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (4,642,256,255) | (5,698,325,444) |
| 6 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 4.12 | (2,714,395,562) | (2,514,960,657) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 61,787,917,749 | (33,615,012,508) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | - | - |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | (623,193,600) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 3,640,945,320 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | - | (5,000,000,000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 685,100,000 | 500,000,000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 910,357,730 | 200,304,851 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 1,595,457,730 | (1,281,943,429) |
| | | | - | - |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 1.2025 (Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025)

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Lũy kế từ đầu năm | |
|--|-------|-----|-------------------|-------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | - | - |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 6.1 | 85,555,594,585 | 136,713,613,127 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 6.2 | (147,072,486,493) | (124,093,150,254) |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | (549,418,649) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (61,516,891,908) | 12,071,044,224 |
| LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40) | 50 | | 1,866,483,571 | (22,825,911,713) |
| 1 Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 10,959,897,571 | 33,785,809,284 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61) | 70 | 4.1 | 12,826,381,142 | 10,959,897,571 |



Nguyễn Xuân Trường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2025

Ngô Tiến Mạnh
Kế toán trưởng

Phan Việt Thuận
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 25 vào ngày 05 tháng 12 năm 2024 để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 139.164.800.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 201 (31/03/2025: 207).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có các công ty con, liên kết như sau:

| Tên | Ngành nghề hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|--|--|--|------------------------|---------------|---------------|
| Công ty con: | | | | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu | <ul style="list-style-type: none"> Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn và bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. | Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 88,89% | 88,89% | 88,89% |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam | <ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy vi tính; Dịch vụ xử lý dữ liệu; Dịch vụ cơ sở dữ liệu. | Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 99,98% | 99,98% | 99,98% |

| Tên | Ngành nghề hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|--------------------------------------|---|---|------------------------|---------------|---------------|
| Công ty liên kết: | | | | | |
| Công ty Cổ phần Công nghệ QI | <ul style="list-style-type: none"> Lắp đặt hệ thống mạng nội bộ, hệ thống ảnh ten truyền hình và mạng viễn thông, thiết bị bảo vệ - báo động; Hoạt động viễn thông có dây, hoạt động viễn thông không dây, cung cấp dịch vụ Internet. | Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 33,43% | 33,43% | 33,43% |
| Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm | 833 Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 22,27% | 22,27% | 22,27% |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH | Lập trình máy vi tính | Số 64/1K đường Võ Oanh, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 27,03% | 27,03% | 27,03% |

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2025 gồm:

| Tên | Địa chỉ |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu | Tầng 3, CT1AB, khu đô thị VOV Mễ Trì - phường Mễ Trì - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu tại Thành phố Đà Nẵng | Số 02 Quang Trung, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu | 27/14B Cách Mạng Tháng Tám, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí tại ngày 30 tháng 06 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và đơn vị khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Hàng tồn kho (tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

| | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 – 40 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 02 – 05 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 – 06 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 năm |

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích từ 3 – 10 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Tòa nhà CT1AB, Khu đô thị VOV Mễ Trì - Phường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là từ 3 năm đến 4 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận từ chi phí phát hành cổ phiếu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí triển khai thực hiện hợp đồng, chi phí dịch vụ mua ngoài (bảo lãnh, bảo hiểm tài sản,...) và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.17. Thuế (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 60/ĐK-DNKHCN vào ngày 31/07/2018 từ Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty được công nhận danh mục 16 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ.

Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Nghị định 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ và Thông tư số 03/2021/TT-BTC ngày 11/01/2021 của Bộ tài chính, Công ty được ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2011). Theo đó, Công ty đã hết thời hạn được hưởng ưu đãi thuế kể từ năm tài chính 2024.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Xuất thiết bị vào khu phi thuế quan: 0%;
- Hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024, và theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 174/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.18. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Tại ngày 30/06/2025 VND | Tại ngày 01/04/2025 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 92.884.479 | 35.016.652 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 10.733.496.663 | 8.924.880.919 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Cộng | 12.826.381.142 | 10.959.897.571 |

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng với lãi suất 3,2%/năm tại Ngân hàng TMCP An Bình.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

| | Tại ngày 30/06/2025 | | | Tại ngày 01/04/2025 | | |
|---|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|
| | VND | | | VND | | |
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con: | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu | 32.000.000.000 | | (23.923.744.134) | 32.000.000.000 | | (23.923.744.134) |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam | 9.998.000.000 | | (1.225.957.751) | 9.998.000.000 | | (1.225.957.751) |
| Cộng | 41.998.000.000 | | (25.149.701.885) | 41.998.000.000 | | (25.149.701.885) |

(*) Tại ngày 21/03/2025, Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để chính thức giải thể hoạt động của doanh nghiệp.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

| | Tại ngày 30/06/2025 | | | Tại ngày 01/04/2025 | | |
|---|----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | | | VND | | |
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Công nghệ QI | 6.631.393.955 | | - | 6.631.393.955 | | - |
| Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT | 1.960.000.000 | | (1.960.000.000) | 1.960.000.000 | | (1.960.000.000) |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH | - | | | 1.875.000.000 | | - |
| Cộng | 8.591.393.955 | | (1.960.000.000) | 10.466.393.955 | | (1.960.000.000) |
| Đầu tư vào đơn vị khác: | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos | 1.200.000.000 | | (1.200.000.000) | 1.200.000.000 | | (1.200.000.000) |

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

| | Tại ngày 30/06/2025 VND | Tại ngày 01/04/2025 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu từ khách hàng: | | |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam | 7.373.752.012 | 26.544.739.060 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Trạm Sạc Toàn Cầu V-Green | 572.232.200 | 21.288.960.000 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á | 8.753.564.000 | 17.548.764.200 |
| Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao | 15.771.395.197 | 15.771.395.197 |
| Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Hà Tĩnh | 1.778.819.796 | 1.778.819.796 |
| Các khách hàng khác (*) | 23.042.063.063 | 71.138.542.605 |
| Cộng | 57.291.826.268 | 154.071.220.858 |

(*) Tại ngày 30/06/2025, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Phải thu dài hạn của khách hàng

| | Tại ngày 30/06/2025 VND | Tại ngày 01/04/2025 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu từ khách hàng: | | |
| Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông Sao Bắc Đầu | 1.692.167.585 | 1.692.167.585 |
| Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao (*) | 19.155.005.465 | 19.155.005.465 |
| Cộng | 20.847.173.050 | 20.847.173.050 |

(*) Là khoản phải thu dài hạn của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao cho gói thầu cung cấp và lắp đặt hệ thống mạng máy tính, thông tin liên lạc cho công trình (TB-06) thuộc dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao giai đoạn 1. Hiện nay, dự án đang được triển khai tiếp tục cho giai đoạn 2. Khoản phải thu này dự kiến sẽ được khách hàng thanh toán sau khi hoàn tất tổng thể toàn bộ dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu khác**

| | Tại ngày 30/06/2025 VND | | Tại ngày 01/04/2025 VND | |
|--|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn: | | | | |
| Phải thu khác từ các bên liên quan | | | - | - |
| Ký quỹ bảo hành và chờ quyết toán công trình cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả | 49.086.542.615 | (10.844.617.857) | 49.086.542.615 | (10.844.617.857) |
| Ký cược, ký quỹ khác | 332.447.305 | | 388.880.703 | - |
| Tạm ứng để thực hiện dự án | 19.621.062.246 | | 7.857.974.997 | - |
| Tạm ứng cho nhân viên | - | | 6.000.000 | - |
| Phải thu khác | 4.565.589.804 | | 5.182.059.103 | - |
| Cộng | <u>73.605.641.970</u> | <u>(10.844.617.857)</u> | <u>62.521.457.418</u> | <u>(10.844.617.857)</u> |
| Dài hạn: | | | | |
| Ký cược, ký quỹ | 10.073.662.338 | | 10.250.639.492 | - |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

| | Tại ngày 30/06/2025 | | Tại ngày 01/04/2025 | |
|--|---------------------|------------------------|---------------------|------------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, ký quỹ quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi | 71.197.096.546 | 51.896.930.223 | 71.197.096.546 | 51.896.930.223 |

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, ký quỹ quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 30/06/2025 | | | Tại ngày 01/04/2025 | | |
|--|-----------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả | 49.086.542.615 | 38.241.924.758 | | 49.086.542.615 | 38.241.924.758 | Trên 3 năm |
| <i>Nợ phải thu khách hàng</i> | | | | - | - | Trên 3 năm |
| <i>Ký quỹ bảo hành và chờ quyết toán công trình</i> | 49.086.542.615 | 38.241.924.758 | Trên 3 năm | 49.086.542.615 | 38.241.924.758 | Trên 3 năm |
| Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao | 19.155.005.465 | 13.655.005.465 | Nợ dài hạn | 19.155.005.465 | 13.655.005.465 | Nợ dài hạn |
| | | | Từ 2 năm - | | | |
| | | | trên 3 năm | | | |
| Công ty Cổ phần Công nghệ OTP Việt Nam | 1.429.365.836 | - | | 1.429.365.836 | - | Trên 3 năm |
| Khác | 1.526.182.630 | - | | 1.526.182.630 | - | |
| Cộng | 71.197.096.546 | 51.896.930.223 | | 71.197.096.546 | 51.896.930.223 | |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

| | Tại ngày 30/06/2025 | | Tại ngày 01/04/2025 | |
|-------------------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------------------|---------------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng tại kho Công ty | 7.406.486.587 | (7.437.798) | 6.721.252.128 | (7.437.798) |
| Hàng tại kho triển khai | 77.734.671.018 | | 71.429.176.211 | - |
| Kho theo dõi hàng cho thuê | 9.090.909 | | 73.737.636 | - |
| Kho theo dõi hàng Hà Nội | 17.368.698.391 | | 11.389.076.071 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 61.454.281.555 | | 66.922.096.083 | - |
| Kho TC, kho bảo hành | 1.691.688.566 | | | |
| Cộng | <u>165.664.917.026</u> | <u>(7.437.798)</u> | <u>156.535.338.129</u> | <u>(7.437.798)</u> |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Cộng VND |
|--|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá: | | | | | |
| Tại ngày 01/04/2025 | 34.345.180.908 | 90.618.194.776 | 3.032.308.857 | 126.310.609 | 128.121.995.150 |
| Mua sắm trong năm | | | | 32.718.182 | 32.718.182 |
| Phân loại lại từ tài sản cố định thuê tài chính | | | | | |
| Thanh lý, nhượng bán | | | | | |
| Tại ngày 30/06/2025 | 34.345.180.908 | 90.618.194.776 | 3.032.308.857 | 159.028.791 | 128.154.713.332 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | |
| Tại ngày 01/04/2025 | 17.608.813.930 | 64.651.167.165 | 2.310.425.321 | 31.663.777 | 84.602.070.193 |
| Khấu hao trong năm | 385.745.982 | 1.870.872.337 | 42.463.737 | 2.262.009 | 2.301.344.065 |
| Phân loại lại từ tài sản cố định thuê tài chính | | | | | |
| Thanh lý, nhượng bán | | | | | |
| Tại ngày 30/06/2025 | 17.994.559.912 | 66.522.039.502 | 2.352.889.058 | 33.925.786 | 86.903.414.258 |
| Giá trị còn lại: | | | | | |
| Tại ngày 01/04/2025 | 16.736.366.978 | 25.967.027.611 | 721.883.536 | 94.646.832 | 43.519.924.957 |
| Tại ngày 30/06/2025 | 16.350.620.996 | 24.096.155.274 | 679.419.799 | 125.103.005 | 41.251.299.074 |

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 16.736.366.978 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng – Xem thêm Mục 4.15.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 56.302.583.612 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

| Máy móc, thiết bị | Tại ngày 30/06/2025 VND | Tăng VND | Giảm VND | Tại ngày 01/04/2025 VND |
|---------------------------|-------------------------------|-----------------|-------------|-------------------------------|
| Nguyên giá | 50.445.669.206 | | | 50.445.669.206 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | (15.529.834.423) | (4,090,080,967) | | (11.439.753.456) |
| Giá trị còn lại | <u>34.915.834.783</u> | | | <u>39.005.915.750</u> |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Tại ngày 30/06/2025 | | Tại ngày 01/04/2025 | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả cho người bán: | | | | |
| Cisco International Limited | 3.775.582.192 | 3.775.582.192 | 5.266.339.135 | 5.266.339.135 |
| Avu Pty Ltd | 2.912.989.756 | 2.912.989.756 | 4.702.977.935 | 4.702.977.935 |
| CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TƯ VẤN THƯƠNG MẠI ĐỒNG QUÂN | 5.018.557.953 | 5.018.557.953 | - | - |
| Các đối tượng khác (*) | 18.521.443.714 | 18.521.443.714 | 20.583.498.154 | 20.583.498.154 |
| Cộng | 30.228.573.615 | 30.228.573.615 | 30.552.815.224 | 30.552.815.224 |

(*) Tại ngày 30/06/2025, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Tại ngày 30/06/2025 VND | Tại ngày 01/04/2025 VND |
|--|----------------------------|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Cảng Long An | 11.041.763.301 | 11.041.763.301 |
| Ngân hàng Chính sách Xã hội | 5.131.382.400 | 5.131.382.400 |
| CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN DỤNG VIỆT NAM | 29.355.888.000 | |
| CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT | 2.569.447.560 | |
| Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn - Tổng Công Ty Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí | 2.922.720.000 | |
| Các đối tượng khác (*) | 13.644.377.019 | 6.635.460.543 |
| Cộng | 64.665.578.280 | 22.808.606.244 |

(*) Tại ngày 30/06/2025, mỗi khoản trả tiền trước từ các đối tượng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số người mua trả tiền trước ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| | Tại ngày 30/06/2025 VND | Trong năm VND | | Tại ngày 01/04/2025 VND |
|----------------------------|-------------------------------|----------------------|----------------------|-------------------------------|
| | Phải nộp | Phải nộp | Đã nộp/Khấu trừ | Phải nộp |
| Thuế giá trị gia tăng | 0 | 3.671.842.618 | 5.625.014.667 | 1.953.616.649 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 2.295.215 | 84.619.233 | 84.619.233 | 2.295.215 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 2.714.395.562 | 2.709.126.726 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 715.115.181 | 1.424.827.094 | 811.129.072 | 101.417.159 |
| Các loại thuế khác | | | | - |
| Cộng | 717.410.396 | 5.181.288.945 | 9.235.158.534 | 4.766.455.749 |

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

| | Tại ngày 30/06/2025 VND | Tại ngày 01/04/2025 VND |
|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Các khoản cho mượn phải trả | 7.799.042.037 | 7.799.042.037 |
| Cổ tức còn phải trả | 2.130.751.800 | 2.130.751.800 |
| Kinh phí công đoàn | 138.087.801 | 197.233.410 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.629.041.645 | 3.057.938.542 |
| Cộng | 11.696.923.283 | 13.184.965.789 |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu Chế Xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 30/06/2025 VND | | Trong năm VND | | Tại ngày 01/04/2025 VND | |
|---------------------------------------|----------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------|----------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngắn hạn: | | | | | | |
| Vay từ bên liên quan | | | | | 7.500.000.000 | 7.500.000.000 |
| Vay từ các cá nhân | 2.540.710.574 | 2.540.710.574 | 24.969.820 | 1.500.000.000 | 4.015.740.754 | 4.015.740.754 |
| Vay ngân hàng | 155.899.992.968 | 155.899.992.968 | 79.122.591.471 | 140.078.348.881 | 216.855.750.378 | 216.855.750.378 |
| Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả | 8.875.663.873 | 8.875.663.873 | 6.237.985.394 | 1.794.137.612 | 6.237.984.313 | 6.237.984.313 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 17.023.041.665 | 17.023.041.665 | 15.941.473.296 | 3.985.368.324 | 15.207.224.046 | 15.207.224.046 |
| Cộng | 184.339.409.080 | 184.339.409.080 | 101.327.019.981 | 147.357.854.817 | 249.816.699.491 | 249.816.699.491 |
| Dài hạn: | | | | | | |
| Vay từ cá nhân | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 | | 3.700.000.000 | 200.000.000 | 200.000.000 |
| Vay ngân hàng | 20.479.260.983 | 20.479.260.983 | 6.433.003.114 | 1.794.137.612 | 15.840.395.481 | 15.840.395.481 |
| Trừ vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả | (8.875.663.873) | (8.875.663.873) | (6.237.985.394) | (1.794.137.612) | (6.237.984.313) | (6.237.984.313) |
| Nợ thuê tài chính | 31.021.102.039 | 31.021.102.039 | | 3.985.368.324 | 35.006.470.362 | 35.006.470.362 |
| Trừ nợ thuê tài chính đến hạn trả | (17.023.041.665) | (17.023.041.665) | (15.941.473.296) | (3.985.368.324) | (15.207.224.046) | (15.207.224.046) |
| Cộng | 29.601.657.484 | 29.601.657.484 | (15.746.455.576) | 3.700.000.000 | 29.601.657.484 | 29.601.657.484 |
| Tổng cộng | 213.941.066.564 | 213.941.066.564 | 85.580.564.405 | 151.057.854.817 | 279.418.356.975 | 279.418.356.975 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu Chế Xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan là các khoản vay tín chấp bằng VND từ Công ty Cổ phần Công nghệ QI, có thời hạn không quá 1 năm, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất từ 5,0%/năm đến 7,0%/năm.

Các khoản vay ngắn hạn từ cá nhân là các khoản vay tín chấp bằng VND, có thời hạn không quá 1 năm, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất từ 5,5%/năm đến 9,6%/năm.

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản vay bằng VND, tổng hạn mức vay là 740 tỷ VND, có thời hạn 1 năm, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất từ 7,8%/năm đến 10,6%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U14b-16a, đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại là 5.586.873.097 VND;
- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại là 1.615.797.228 VND – Xem thêm Mục 4.8;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và khách hàng;
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu Chế Xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn từ cá nhân là khoản vay tín chấp bằng VND, có thời hạn 13 tháng, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất 10%/năm.

Các khoản vay ngân hàng dài hạn là các khoản vay bằng VND, tổng hạn mức vay 23,42 tỷ VND, có thời hạn từ 3 – 5 năm, mục đích vay dùng để dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất từ 8,5%/năm đến 9.0%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Mặt bằng tòa nhà văn phòng Hà Nội với giá trị còn lại là 15.120.569.750 VND – Xem thêm Mục 4.8;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và khách hàng.

Nợ thuê tài chính là các khoản nợ theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease có thời hạn từ 3 đến 4 năm, chịu lãi suất từ 6,9%/năm đến 10,92%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | Cộng |
|--------------------------------|---------------------------|------------------------------------|---|------------------|
| | VND | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | VND |
| Số dư tại ngày 01/04/2025 | 135.146.800.000 | - | 20.346.718.384 | 155.493.518.384 |
| Tăng vốn trong năm trước (*) | 4.018.000.000 | - | - | 4.018.000.000 |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | - | (30.000.000) | - | (30.000.000) |
| Lãi trong năm trước | - | - | 6.042.021.024 | 6.042.021.024 |
| Tăng vốn trong năm nay (*) | | | | |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | | | | |
| Lãi trong năm nay | | | (15.364.897.840) | (15.364.897.840) |
| Tại ngày 30/06/2025 | 139.164.800.000 | (30.000.000) | 11.023.841.568 | 150.158.641.568 |

(*) Tăng vốn trong năm nay được thực hiện qua chương trình chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động như sau:

Vào ngày 25 tháng 10 năm 2024, Công ty đã nhận được Công văn số 7182/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước ("UBCKNN") thông báo về việc đã công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty. Việc phát hành cổ phiếu này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/07/2023, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/07/2024, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/2024/NQ-HĐQT ngày 12/08/2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 14/2024/NQ-HĐQT ngày 30/09/2024 với phương án đăng ký phát hành 662.219 cổ phiếu với giá phát hành 10.000 VND/cổ phiếu và phương án sử dụng vốn dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được hoàn thành vào ngày 12 tháng 11 năm 2024, với tổng số cổ phiếu đã phát hành là 401.800 cổ phiếu cho người lao động của Công ty với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, tương ứng 60,67% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.

Vào ngày 20 tháng 11 năm 2024, Công ty đã nhận được Công văn số 7846/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty. Theo đó, số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành là 401.800 cổ phiếu.

Vốn điều lệ (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Công ty sau đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tăng từ 135.146.800.000 VND lên 139.164.800.000 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| | Tại ngày 30/06/2025 VND | Tại ngày 01/04/2025 VND |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ông Nguyễn Đức Quang | 22.910.780.000 | 22.910.780.000 |
| Cổ đông khác | 116.254.020.000 | 116.254.020.000 |
| Cộng | 139.164.800.000 | 139.164.800.000 |

4.16.3. Các giao dịch về vốn của chủ sở hữu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Vốn góp tại ngày 01/04 | 139.164.800.000 | 135.146.800.000 |
| Vốn góp tăng trong năm – chào bán cổ phiếu | | 4.018.000.000 |
| Vốn góp tại ngày 30/06 | 139.164.800.000 | 139.164.800.000 |

4.16.4. Cổ phiếu

| | Tại ngày 30/06/2025 | Tại ngày 01/04/2025 |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 13.916.480 | 13.916.480 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 13.916.480 | 13.916.480 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 13.916.480 | 13.916.480 |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| | Tại ngày 30/06/2025 | Tại ngày 01/04/2025 |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| USD | 5.165,24 | 53.285,43 |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin | 50.325.289.839 | 45.944.186.157 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 20.008.637.912 | 7.395.381.911 |
| Cộng | 70.333.927.751 | 53.339.568.068 |

5.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của hoạt động tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin và cho thuê thiết bị trong năm, được chi tiết như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin | 53.590.496.109 | 35.606.084.132 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 2.975.324.120 | 4.711.631.620 |
| Cộng | 56.565.820.229 | 40.317.715.752 |

5.3. Chi phí tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính | | |
| Lãi tiền vay | 4.642.256.255 | 6.644.227.441 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | (40.994.508) | 661.925.836 |
| Các khoản trích dự phòng đầu tư tài chính | | |
| Khác | | |
| Cộng | 4.601.261.747 | 7.306.153.277 |

5.4. Chi phí bán hàng

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên | 9.048.230.572 | 10.067.732.647 |
| Chi phí bảo hành | 16.442.529 | 176.011.432 |
| Chi phí pre – sales | 107.931.181 | 26.947.620 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 680.241.754 | 1.113.649.233 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.951.704.309 | 699.142.438 |
| Cộng | 11.804.550.345 | 12.083.483.370 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|------------------------|--------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 6.954.947.694 | 6.843.579.336 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng | 313.696.919 | 324.377.530 |
| Chi phí khấu hao | 2.226.244.735 | 1.985.562.882 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.030.007.333 | 3.355.242.761 |
| Chi phí bằng tiền khác | 559.531.458 | 535.901.673 |
| Cộng | 13.084.428.139 | 13.044.664.182 |

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay giảm mạnh chủ yếu do hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi từ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả do đã thu được tiền.

5.6. Thu nhập khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------|------------------------|--------------------------|
| Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp | 250.275.964 | 1.958.648.400 |
| Khác | 275.579.950 | 37.946.325 |
| Cộng | 525.855.914 | 1.996.594.725 |

5.7. Chi phí khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------|------------------------|--------------------------|
| Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp | | |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản | | |
| Khác | 1.098.558.882 | 121.431.602 |
| Cộng | 1.098.558.882 | 121.431.602 |

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------|------------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 85.555.594.585 | 136.713.613.127 |

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | (147.072.486.493) | (124.093.150.254) |

7. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính từ 3 đến 4 năm theo các hợp đồng thuê tài chính với thời hạn từ 3 đến 4 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai đã được trình bày ở Mục 4.15.

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Nguyễn Xuân Trường
Tổng Giám đốc

Ngô Tiến Mạnh
Kế toán trưởng

Phan Việt Thuận
Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2025